



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Số: 62/CECO-KHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3845.5777.

- Fax: 04.3823.2325.

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty CP thiết kế công nghiệp hóa chất

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử ceco.com.vn của công ty vào ngày 30/03/2018 tại đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Thông tin tài chính

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(*) Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính hợp nhất 2017

Báo cáo tài chính riêng 2017

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp
Hóa chất**

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0100103520

ngày 13 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 15 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 13 tháng 3 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiền Ngang
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Đinh Đức Bộ
Ông Nguyễn Công Thắng
Ông Nguyễn Thủy Nguyên

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dịu
Bà Trương Thị Minh Thu
Bà Trần Thị Minh Trang
Bà Trương Thị Minh Thu
Ông Nguyễn Văn Bang

Trưởng ban
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Trưởng ban
(đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 1 tháng 6 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Thắng
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Văn Đức Thắng
Bà Nguyễn Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Công Thắng

Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 3 năm 2018)
Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 3 năm 2018)
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
(đến ngày 28 tháng 2 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

Số 21A, Phố Cát Linh
Phường Cát Linh
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-389-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		362.289.608.169	336.526.141.595
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	75.724.081.942	85.312.300.021
Tiền	111		25.724.081.942	22.081.250.021
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	63.231.050.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.959.233.307	140.018.611.570
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5(a)	82.426.929.199	93.736.390.603
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.469.336.983	25.611.160.402
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	1.900.083.748	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	6.124.666.667	12.386.884.608
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.844.573.264	10.090.532.511
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
Hàng tồn kho	140	10	167.521.983.591	109.987.829.140
Hàng tồn kho	141		167.521.983.591	109.987.829.140
Tài sản ngắn hạn khác	150		84.309.329	1.207.400.864
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	725.293.011
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		84.309.329	482.107.853

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		29.495.516.005	31.340.966.622
Các khoản phải thu dài hạn	210		56.535.053	86.712.526
Phải thu dài hạn khác	216		56.535.053	86.712.526
Tài sản cố định	220		5.143.329.419	6.402.345.984
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.991.135.991	5.275.153.507
Nguyên giá	222		18.988.514.474	19.373.035.952
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.997.378.483)	(14.097.882.445)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.152.193.428	1.127.192.477
Nguyên giá	228		4.416.750.000	3.593.950.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.264.556.572)	(2.466.757.523)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	24.109.288.241	24.435.225.144
Đầu tư vào công ty con	251		19.411.288.241	22.797.225.144
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.060.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		186.363.292	416.682.968
Chi phí trả trước dài hạn	261		186.363.292	416.682.968
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		391.785.124.174	367.867.108.217

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		312.145.447.189	281.394.618.717
Nợ ngắn hạn	310		312.145.447.189	281.011.094.624
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	39.424.233.593	75.847.638.699
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5(b)	250.936.603.379	189.192.299.501
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	969.068.304	914.957.382
Phải trả người lao động	314		2.299.793.595	3.173.057.695
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	17.869.457.227	11.670.099.428
Phải trả ngắn hạn khác	319		233.621.470	182.619.298
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		412.669.621	30.422.621
Nợ dài hạn	330		-	383.524.093
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	383.524.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		79.639.676.985	86.472.489.500
Vốn chủ sở hữu	410	17	79.444.635.985	85.939.956.500
Vốn cổ phần	411	18	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.930.720.095	17.930.720.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.743.555.890	8.238.876.405
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.640.293.405	469.531.673
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.262.485	7.769.344.732
Nguồn kinh phí	430		195.041.000	532.533.000
Nguồn kinh phí	431		195.041.000	532.533.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		391.785.124.174	367.867.108.217

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Thắng
Chức danh Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	77.950.644.791	232.141.907.922
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	30.545.500	850.429.594
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	77.920.099.291	231.291.478.328
Giá vốn hàng bán	11	23	68.429.770.063	189.014.720.661
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.490.329.228	42.276.757.667
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.239.712.932	2.973.650.933
Chi phí tài chính	22	25	273.503.808	757.201.840
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.833.000	19.530.617
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	14.179.971.476	35.707.010.759
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		(723.433.124)	8.786.196.001
Thu nhập khác	31	27	1.306.719.640	1.835.906.186
Chi phí khác	32		480.024.031	604.771.879
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		826.695.609	1.231.134.307
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		103.262.485	10.017.330.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	2.247.985.576
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		103.262.485	7.769.344.732

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởngNguyễn Công Thắng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		103.262.485	10.017.330.308
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.511.158.116	2.594.674.208
Các khoản dự phòng	03		-	(1.075.329.965)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		210.420.808	663.591.943
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.769.344.887)	(3.347.930.462)
Chi phí lãi vay	06		15.833.000	19.530.617
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(928.670.478)	8.871.866.649
Biến động các khoản phải thu	09		15.756.429.330	(16.786.625.584)
Biến động hàng tồn kho	10		(57.534.154.451)	(66.862.081.869)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		41.760.470.402	57.288.538.710
Biến động chi phí trả trước	12		455.058.048	351.228.161
			(490.867.149)	(17.137.073.933)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.833.000)	(132.893.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(518.785.645)	(2.497.893.100)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.140.500.000	532.533.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.100.816.093)	(474.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.985.801.887)	(19.709.727.326)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(822.800.000)	(5.005.462.892)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		169.090.910	1.379.090.909
Tiền chi cho vay	23		(9.800.000.000)	(17.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		5.100.000.000	1.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(331.274.856)	(8.759.937.007)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.059.603.754	1.343.273.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.625.380.192)	(26.543.035.712)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	29.885.180.000
Tiền thu từ đi vay	33		500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	(4.450.380.800)
Tiền trả cổ tức	36		(5.977.036.000)	(5.977.036.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.977.036.000)	19.457.763.200
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(9.588.218.079)	(26.794.999.838)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		85.312.300.021	112.770.891.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(663.591.943)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	75.724.081.942	85.312.300.021

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; và
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/IT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con (1/1/2017: 5 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2017: Không) được liệt kê trong Thuyết minh số 13, 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 128 nhân viên (1/1/2017: 169 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu hoặc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	746.036.866	2.233.248.448
Tiền gửi ngân hàng	24.978.045.076	19.848.001.573
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	63.231.050.000
	75.724.081.942	85.312.300.021

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần DAP số 2	37.557.285.732	33.463.340.026
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	28.800.000	2.225.942.180
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	16.500.000	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	17.678.099.580	-
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	13.914.852.000	20.390.885.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	914.794.000	11.355.774.754
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	509.976.464	7.910.780.790
Các khách hàng khác	7.916.059.121	14.499.105.551
	82.426.929.199	93.736.390.603

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào – công ty liên quan	178.887.028.173	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	65.272.983.064	-
Các khách hàng khác	6.776.592.142	10.305.271.328
	250.936.603.379	189.192.299.501

6. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	19.221.769.801	-
Lợi nhuận ước tính	1.049.040.159	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	20.270.809.960	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(18.370.726.212)	-
	1.900.083.748	-

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay thể hiện khoản vay cấp cho các công ty con, công ty liên kết của Công ty và bên thứ ba, chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	VND	7,75% - 8%	3.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	VND	8%	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	VND	8%	3.000.000.000	1.000.000.000
<i>Phải thu về cho vay từ bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ	VND	8%	-	2.000.000.000
<i>Phải thu lãi cho vay</i>			124.666.667	386.884.608
			6.124.666.667	12.386.884.608

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	763.681.667	957.681.667
Tạm ứng cho nhân viên	6.571.732.360	7.483.388.328
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	93.405.448	38.983.000
Phải thu bảo hiểm xã hội	54.270.395	63.335.869
Kí cược, kí quỹ	10.000.000	10.000.000
Phải thu tiền lương thanh toán hộ công ty con	12.037.500	1.255.501.837
Phải thu khác	339.445.894	281.641.810
	7.844.573.264	10.090.532.511

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH								
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty Cổ phần Phân lân								
Nung chảy Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-
		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	<u>-</u>		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.806.356.554)</u>				<u>(1.806.356.554)</u>	

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.521.983.591	109.987.829.140

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (“Dự án Muối Lào”) (*)	144.204.175.198	87.712.321.046
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	7.604.610.034	9.232.548.117
Dự án khác	15.713.198.359	13.042.959.977
	167.521.983.591	109.987.829.140

- (*) Theo Thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào (“VILACHEMSALT”) – đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt thực hiện Dự án Muối Lào.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.481.623.299	2.908.438.951	1.233.847.436	7.749.126.266	19.373.035.952
Thanh lý	-	(2.491.171.679)	(33.181.818)	(655.721.982)	(3.180.075.479)
Nhận bàn giao tài sản từ Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (Thuyết minh 13)	-	-	349.345.455	2.446.208.546	2.795.554.001
Số dư cuối năm	7.481.623.299	417.267.272	1.550.011.073	9.539.612.830	18.988.514.474
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.709.323.033	2.892.068.481	696.799.746	3.799.691.185	14.097.882.445
Khấu hao trong năm	461.022.626	13.238.634	227.624.455	1.011.473.352	1.713.359.067
Thanh lý	-	(2.488.039.843)	(33.181.818)	(655.721.982)	(3.176.943.643)
Nhận bàn giao tài sản từ Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (Thuyết minh 13)	-	-	299.104.487	2.063.976.127	2.363.080.614
Số dư cuối năm	7.170.345.659	417.267.272	1.190.346.870	6.219.418.682	14.997.378.483
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	772.300.266	16.370.470	537.047.690	3.949.435.081	5.275.153.507
Số dư cuối năm	311.277.640	-	359.664.203	3.320.194.148	3.991.135.991

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 11.178 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 8.217 triệu VND).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 5.555 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty (1/1/2017: 8.217 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.593.950.000
Tăng trong năm	822.800.000
Số dư cuối năm	4.416.750.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.466.757.523
Khấu hao trong năm	797.799.049
Số dư cuối năm	3.264.556.572
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.127.192.477
Số dư cuối năm	1.152.193.428

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2017						1/1/2017						
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:														
▪ Công ty con														
• Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Đồng Nai, Việt Nam	1.240.850	55,33%	55,33%	12.408.500.000	-	(*)	1.240.850	55,33%	55,33%	12.408.500.000	-	(*)	
• Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (**)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	-		306.000	51%	51%	3.060.000.000	-	(*)	
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Hà Nội, Việt Nam	306.000	51%	51%	3.060.000.000	-	(*)	306.000	51%	51%	3.060.000.000	-	(*)	
• Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (***)	Hà Nội, Việt Nam		100%	100%	2.342.788.241	-	(*)		100%	100%	3.000.000.000	-	(*)	
• Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Hà Nội, Việt Nam		100%	100%	1.600.000.000	-	(*)		100%	100%	1.268.725.144	-	(*)	
					19.411.288.241	-							22.797.225.144	-
▪ Công ty liên kết														
• Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (**)	Hà Nội, Việt Nam	306.000	36,4%	36,4%	3.060.000.000	-	(*)						-	-
▪ Đơn vị khác														
• Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh, Việt Nam	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)	
					24.109.288.241	-							24.435.225.144	-

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Trong năm 2017, Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (“CECO Hà Nội”) đã phát hành tăng vốn điều lệ. Công ty đã không thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại CECO Hà Nội mà Công ty được mua. Do đó, từ ngày 26 tháng 9 năm 2017, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại CECO Hà Nội giảm từ 51% xuống còn 36,43%, và CECO Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.
- (***) Theo Quyết định số 121/QĐ-CECO ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã tiến hành các thủ tục giải thể Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất (“CPMC”) theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản, hợp đồng và các khoản nợ sau khi CPMC giải thể. Tại ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục giải thể CPMC chưa hoàn thành.

Chi tiết tài sản bàn giao và nhận bàn giao cho các công ty con trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Góp vốn bằng tiền	331.274.856	8.759.937.007
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	-	1.226.614.209
Góp vốn bằng công cụ, dụng cụ	-	402.173.928
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình nhận lại (Thuyết minh 11)	432.473.387	-
Giá trị ghi sổ của công cụ dụng cụ nhận lại	224.738.372	-

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	12.210.997.067	20.978.671.012
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	1.842.560.000	2.199.590.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	1.397.796.127	16.330.437.583
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	2.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	-	12.478.023.351
<i>Bên khác</i>		
K-UTEC AG Salt Technologies	10.382.465.808	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	11.600.632.500	11.600.632.500
Tổng công ty 36	-	6.517.497.205
Các nhà cung cấp khác	1.987.782.091	5.742.786.248
	39.424.233.593	75.847.638.699

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	8.973.698.546	(1.932.850.039)	(6.456.934.743)	583.913.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	874.928.248	-	(518.785.645)	-	356.142.603
Thuế thu nhập cá nhân	40.029.134	639.442.530	(650.459.727)	-	29.011.937
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	914.957.382	9.617.141.076	(3.106.095.411)	(6.456.934.743)	969.068.304

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước chi phí các công trình	17.739.157.137	11.242.026.702
- Dự án Đạm Cà Mau	14.543.625.438	-
- Dự án Muối mỏ Việt Lào	-	5.505.446.820
- Dự án DAP số 2	3.178.531.700	3.178.531.700
- Các dự án khác	16.999.999	2.558.048.182
Trích trước tiền thuê văn phòng	-	428.072.726
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn	130.300.090	-
	17.869.457.227	11.670.099.428

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	29.885.180.000	13.705.379.882	10.624.427.413	54.214.987.295
Phát hành cổ phiếu trong năm	29.885.180.000	-	-	29.885.180.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.769.344.732	7.769.344.732
Phân bổ vào các quỹ	-	4.225.340.213	(4.225.340.213)	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	47.480.473	47.480.473
Cổ tức	-	-	(5.977.036.000)	(5.977.036.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	59.770.360.000	17.930.720.095	8.238.876.405	85.939.956.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	103.262.485	103.262.485
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(621.547.000)	(621.547.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(5.977.036.000)	(5.977.036.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	59.770.360.000	17.930.720.095	1.743.555.890	79.444.635.985

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	5.977.036	59.770.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2017 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	24,86%	14.858.820.000
Cổ đông cá nhân	1.011.026	16,92%	10.110.260.000
Các cổ đông khác	1.692.636	28,31%	16.926.360.000
	5.977.036	100,00%	59.770.360.000

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2016: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.309	188.901.415	8.325	189.154.224
LAK	100	280	2.949.600.000	7.226.520.000
EUR	390	10.638.772	496.487	11.842.201.007
		<u>199.540.467</u>		<u>19.257.875.231</u>

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	59.239.966.858	193.938.440.593
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	15.780.104.301	35.006.827.622
▪ Doanh thu khác	2.930.573.632	3.196.639.707
	<u>77.950.644.791</u>	<u>232.141.907.922</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(30.545.500)	(850.429.594)
Doanh thu thuần	<u>77.920.099.291</u>	<u>231.291.478.328</u>

23. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	56.948.185.087	172.616.538.187
Hoạt động tư vấn thiết kế	10.829.802.681	14.905.617.911
Hoạt động khác	651.782.295	1.492.564.563
	<u>68.429.770.063</u>	<u>189.014.720.661</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	3.052.585.813	1.730.157.886
Cổ tức được chia	550.800.000	957.681.667
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	636.327.119	285.811.380
	4.239.712.932	2.973.650.933

25. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	15.833.000	19.530.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.250.000	74.079.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.420.808	663.591.943
	273.503.808	757.201.840

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương	2.733.246.372	18.822.825.428
Chi phí đồ dùng văn phòng	525.051.007	85.150.306
Chi phí khấu hao	1.489.657.693	1.601.930.759
Thuế, phí và lệ phí	820.834.692	853.718.850
Xóa sổ khoản tạm ứng và thuế thu nhập cá nhân phải thu từ cán bộ, nhân viên	-	1.195.213.070
Chi phí bảo hiểm	538.005.798	717.079.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.073.175.914	12.431.093.005
	14.179.971.476	35.707.010.759

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	165.959.074	660.090.909
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	-	416.231.410
Cho thuê văn phòng	420.000.000	-
Khác	720.760.566	759.583.867
	1.306.719.640	1.835.906.186

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	99.036.078.300	219.611.945.918
Chi phí nhân công	21.721.611.726	43.753.054.769
Chi phí khấu hao	2.511.158.116	2.594.674.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.875.047.848	25.624.138.394

29. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.262.485	10.017.330.308
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.652.497	2.003.466.062
Chi phí không được khấu trừ thuế	89.507.503	436.055.847
Thu nhập không bị tính thuế	(110.160.000)	(191.536.333)
	-	2.247.985.576

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ đông lớn		
Cổ tức	1.787.492.000	3.718.695.300
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	-	360.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2		
Cung cấp dịch vụ	3.721.768.824	-
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	134.838.034.460
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Cung cấp dịch vụ	445.000.000	2.614.553.844
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		
Cung cấp dịch vụ	-	825.083.093
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Cung cấp dịch vụ	-	986.228.182
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển		
Cung cấp dịch vụ	69.470.909	5.337.256.363
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	951.535.455	2.867.802.728
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Cung cấp dịch vụ	42.965.000	2.130.403.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền		
Cung cấp dịch vụ	-	100.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	340.909.091	409.090.909
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	530.000.000

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội		
Góp vốn	-	3.060.000.000
Sử dụng dịch vụ	9.877.510.000	25.728.352.064
Cung cấp dịch vụ	-	97.000.000
Cho vay	1.500.000.000	3.000.000.000
Thu hồi gốc vay	4.500.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	92.727.268
Lãi cho vay	30.666.667	84.000.000
Cổ tức được chia	306.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất		
Góp vốn	-	3.060.000.000
Sử dụng dịch vụ thi công, sửa chữa	150.598.219	16.187.136.023
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Cho vay	-	6.000.000.000
Thu hồi gốc vay	3.000.000.000	-
Lãi cho vay	341.583.333	165.583.333
Cổ tức được chia	244.800.000	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam		
Mua hàng hóa	8.876.047.909	9.349.070.000
Cho vay	4.100.000.000	1.000.000.000
Thu hồi gốc vay	2.100.000.000	-
Lãi cho vay	85.533.334	25.333.333
Cổ tức	-	957.681.667
Nhận tiền cổ tức	500.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất		
Sử dụng dịch vụ	6.421.207.278	23.733.782.015
Góp vốn	-	3.000.000.000
Nhận lại vốn góp	657.211.759	-
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO		
Sử dụng dịch vụ	128.365.484	-
Góp vốn thành lập	331.274.856	1.268.725.144
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	882.313.023	1.341.974.914
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền thù lao	240.000.000	240.000.000

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

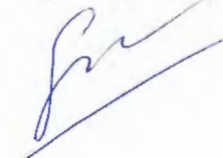
	2017 VND	2016 VND
Góp vốn bằng tài sản vào công ty con	-	1.628.788.137
Nhận lại vốn góp bằng tài sản từ công ty con	657.211.759	-
Bù trừ gốc vay phải thu và khoản phải trả	10.700.000.000	3.500.000.000

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Thắng
Giám đốc



NH
★
C.